

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Toán ứng dụng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Ngọc Anh

2. Ngày tháng năm sinh: 02/8/1970; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Bảo, T/P Hải Phòng

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Tổ 5, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 27, ngõ 32, phố Phan Văn Trường, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0912316141;

E-mail: anhpn@ptit.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 09,2002 đến tháng, năm 06,2021: Giảng viên Toán tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ tháng, năm 09,2002 đến tháng, năm 12,2006: Nghiên cứu sinh tại Viện Toán học Hà Nội

Từ tháng, năm 04,2010 đến tháng, năm 01,2011: Nghiên cứu sau tiến sĩ tại Đại học Kyungnam, Hàn Quốc

Từ tháng, năm 04,2011 đến tháng, năm 02,2012: Nghiên cứu sau tiến sĩ tại Đại học Lorraine, Cộng hòa Pháp

Từ tháng, năm 11,2011 đến tháng, năm 06,2021: Trưởng Bộ môn Toán tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ tháng, năm 11,2013 đến tháng, năm 03,2020: Phó Trưởng Khoa Cơ bản 1 tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ tháng, năm 10,2016 đến tháng, năm 06,2021: Trưởng Lab Toán ứng dụng và tính toán tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ tháng, năm 04,2020 đến tháng, năm 06,2021: Bí thư chi bộ, Trưởng Khoa cơ bản 1, tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Khoa cơ bản 1; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Khoa cơ bản 1

Cơ quan công tác hiện nay: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Địa chỉ cơ quan: Số 122, đường Hoàng Quốc Việt, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243 3820865

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 15 tháng 8 năm 1992, số văn bằng: 20499, ngành: Toán học, chuyên ngành: Hình học vi phân; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Sư phạm Hà Nội 1

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 24 tháng 12 năm 2004, số văn bằng: 0293, ngành: Toán học, chuyên ngành: Lý thuyết tối ưu; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Thái Nguyên (phối hợp với Viện Toán học)

- Được cấp bằng TS [5] ngày 14 tháng 6 năm 2007, số văn bằng: 04942, ngành: Toán học, chuyên ngành: Lý thuyết tối ưu; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Bộ Giáo dục và Đào tạo

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 10 tháng 11 năm 2011, ngành: Toán học

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu phương pháp và thuật toán cho bài toán bất đẳng thức biến phân đơn trị, bài toán bất đẳng thức biến phân tổng quát đơn trị và bài toán bất đẳng thức biến phân đa trị.
- Nghiên cứu phương pháp và thuật toán giải bài toán tối ưu với ràng buộc cân bằng MPEC.
- Nghiên cứu phương pháp và thuật toán giải bài toán cân bằng EQ.
- Nghiên cứu các phương pháp giải bài toán hai cấp và ứng dụng tính toán.
- Nghiên cứu các mô hình ứng dụng như: Mô hình cân bằng kinh tế Nash, mô hình cân bằng mạng, định tuyến tối ưu mạng truyền thông, ...
- Nghiên cứu phương pháp tìm điểm chung của tập điểm bất động và tập nghiệm của bài toán cân bằng EQ.
- Nghiên cứu đánh giá sai số thuật toán giải bài toán cân bằng, bài toán tối ưu lồi, bài toán bất đẳng thức biến phân, bài toán với ràng buộc cân bằng, ...

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 9 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) ... HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành 3 đề tài NCKH cấp Bộ;
- Đã công bố (số lượng) 55 bài báo khoa học, trong đó 55 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 6, trong đó 6 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng khen tốt nghiệp đại học loại giỏi	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1	1992
2	Giấy chứng nhận nghiên cứu xuất sắc chương trình sau tiến sĩ	Đại học Kyungnam, Hàn Quốc	2010

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Về phẩm chất chính trị: Nghiêm túc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; chấp hành tốt các qui định của cơ quan công tác;
- Về đạo đức và lối sống: Luôn sống và làm việc gương mẫu với đồng nghiệp, với học trò;
- Về năng lực chuyên môn: Tuy chuyên ngành Toán không phải là ngành đào tạo của Học viện, nhưng tôi đã cố gắng hết sức mình để trau dồi kiến thức và năng lực giảng dạy. Nhờ sự giúp đỡ của Học viện, tôi đã xây dựng ra nhóm nghiên cứu hoạt động hiệu quả trong Lab “Toán ứng dụng và tính toán” với nhiều kết quả nghiên cứu được đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín;
- Tích cực tham dự các Hội nghị và hội thảo, giúp đỡ các bạn đồng nghiệp trẻ nghiên cứu tiếp cận với các hướng nghiên cứu mới về thuật toán và ứng dụng; Tích cực tham gia Hội Toán học Việt Nam: Ủng hộ xây trụ sở Hội Toán học và các hoạt động của Hội Toán học Việt Nam (*có giấy biên nhận*).
- Tôi tự nhận thấy rằng bản thân tôi đã hoàn thành các nhiệm vụ được Học viện giao cho theo tiêu chuẩn

được Bộ GD&ĐT quy định.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 24 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016	2		2		264	30	294/330/270
2	2016-2017	1		2		308	30	338/378,4/270
3	2017-2018			2		308	30	338/378,4/270
03 năm học cuối								
4	2018-2019	1		2		352	30	382/426,8/270
5	2019-2020	2		1		352		352/387,2/270
6	2020-2021	2		1		352		352/387,2/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Ngô Xuân Phương	X		X		07/2013 đến 07/2017	Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự	9/11/2018
2	Phạm Minh Tuấn	X		X		10/2012 đến 10/2016	Viện Khoa học và Công nghệ Quân sự	8/8/2018

3	Nguyễn Đức Hiền	X		X		10/2010 đến 10/2014	Học viện Kỹ thuật Quân sự	12/5/2015
4	Đỗ Duy Thành	X		X		03/2013 đến 03/2016	Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐH QGHN	15/12/2016
5	Trần Thị Hoàng Anh	X		X		10/2015 đến 10/2019	Học viện Kỹ thuật Quân sự	6/12/2019
6	Hoàng Thị Cẩm Thạch	X		X		12/2018 đến 12/2021	Viện Công nghệ thông tin	chưa
7	Hồ Phi Tứ	X		X		06/2020 đến 11/2021	Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học QGHN	chưa
8	Nguyễn Đức Trường	X		X		12/2020 đến 12/2021	Đại học Sư phạm Hà Nội 2	chưa

9	Nguyễn Văn Hồng	X		X		11/2020 đến 11/2021	Viện TIMAS, đại học Thăng Long	Chưa
---	-----------------	---	--	---	--	---------------------	--------------------------------	------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	On the contraction and nonexpansiveness properties of the marginal mapping in generalized variational inequalities involving cocoercive operators, in: Generalized Convexity and Generalized Monotonicity and Applications	CK	Springer, năm 2005	4	CB	(Chương 5, trang 89-111)	ISBN: 978-0-387-23639-1
2	Contraction mapping fixed point algorithms for solving multivalued mixed variational inequalities. In Optimization with multivalued mappings	CK	Springer, năm 2006	2	CB	(Phần 3, trang 231-250)	ISBN: 978-0-387-34221-4

3	Giáo trình các mô hình ra quyết định	GT	Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, năm 2010	2	CB	(từ trang 29 tới trang 195)	207-2010/CXB/2-40/TTTT
Sau khi được công nhận PGS/TS							
4	Các phương pháp tối ưu và ứng dụng	CK	Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, năm 2015	1	MM		292/QĐ-NXB TTTT
5	A Cutting Hyperplane Method for Generalized Monotone Nonlipschitzian Multivalued Variational Inequalities. In: “Modeling, Simulation and Optimization of Complex Processes	CK	Springer, năm 2009	2	CB	(Phần 3, trang 231-250)	ISBN: 978-3-642-25707-0
6	Giáo trình Toán Giải tích 1	GT	Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, năm 2011	1	MM		99/QĐ-NXB TTTT

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 3 ([4] [5] [6])

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả	
Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Các phương pháp giải bài toán cân bằng và bài toán điểm bất động	CN	101.02.2011.07, cấp Bộ	01/12/2011 đến 30/11/2013	31/5/2014, Đạt	
2	Bài toán cân bằng và ánh xạ không giãn	CN	101.02.2013.03, cấp Bộ	01/4/2014 đến 30/4/2016	29/11/2017, Đạt	
3	Phương pháp điểm bất động giải bài toán bất đẳng thức biến phân hai cấp và ứng dụng	CN	101.02-2017.15, cấp Bộ	01/12/2017 đến 01/12/2019	16/12/2019, Đạt	

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi được công nhận PGS/TS								
1	Coupling the Banach Contraction Mapping Principle and the Proximal Point Algorithm for Solving Monotone Variational Inequalities	2	Có	Acta Mathematica Vietnamica/ ISSN: 0251-4184	có - Hệ thống CSDL quốc tế khác IF: 0.38	17	29, 2, 119-133	06/2004
2	Using the Banach Contraction Principle to Implement the Proximal Point Method for Multivalued Monotone Variational Inequalities	4	Có	Journal of Optimization Theory and Applications/ ISSN: 1573-2878	có - SCI IF: 1.11	52	124, 2, 285-306	03/2005

3	Lagrangian Duality Algorithms for Finding a Global Optimal Solution to Mathematical Programs with Affine Equilibrium Constraints	2	Có	Nonlinear Dynamics and Systems Theory/ ISSN: 1562-8353	có - Hệ thống CSDL quốc tế khác IF: 0.36		6, 3, 225-244	01/2006
4	An Interior Proximal Method for Solving Monotone Generalized Variational Inequalities	1	Có	East-West Journal of Mathematics/ ISSN: 0125-2526	Không - Hệ thống CSDL quốc tế khác	10	10, 1, 81-100	02/2008
5	An LQ Regularization Method for Pseudomonotone Equilibrium Problems on Polyhedral	1	Có	Vietnam Journal of Mathematics/ ISSN: 2305-221X	có - Hệ thống CSDL quốc tế khác IF: 0.44	28	36, 2, 1- 20, 2, 1-20	08/2008
6	A Logarithmic Quadratic Regularization Method for Pseudomonotone Equilibrium Problems	1	Có	Acta Mathematica Vietnamica/ ISSN: 0251-4184	có - Hệ thống CSDL quốc tế khác IF: 0.38	40	34, 2, 183- 200	04/2009

7	An Interior Proximal Method for Solving Pseudomonotone Nonlipschitzian Multivalued Variational Inequalities	1	Có	Nonlinear Analysis Forum/ ISSN: 1226-7228	Không - Hệ thống CSDL quốc tế khác	13	14, 27-42	08/2019
8	Generalized Projection Method for NonLipschitz Multivalued Monotone Variational Inequalities	3	Có	Acta Mathematica Vietnamica/ ISSN: 0251-4184	có - Hệ thống CSDL quốc tế khác IF: 0.38	31	34, 1, 67-79	02/2009
9	Coupling the LQ Regularization Method and the Outer Approximation Method for Solving Pseudomonotone Variational Inequalities	2	Có	East-West Journal of Mathematics/ ISSN: 0125-2526,	Không - Hệ thống CSDL quốc tế khác	1	12, 1, 49-58	04/2010
10	A Proximal Point-Type Algorithm for Multivalued Variational Inequalities	4	Có	Vietnam Journal of Mathematics/ ISSN: 2305-221X,	có - Hệ thống CSDL quốc tế khác IF: 0.44	3	38, 4, 413-423	11/2010

11	An Interior Proximal Cutting Hyperplane Method for Multivalued Variational Inequalities	2	Có	Journal of Nonlinear and Convex Analysis/ ISSN: 0251-4184	có - SCIE IF: 0.46	11	11, 3, 491-502	12/2010
12	A New Method for Solving Monotone Generalized Variational Inequalities	2	Có	Journal of Inequalities and Applications /ISSN: 1025-5834	có - SCIE IF: 0.74	6	657192 1-20	10/2010
13	A New Method for a Finite Family of Pseudocontractions and Equilibrium Problems	2	Có	Journal of Applied Mathematics and Informatics/ ISSN: 0251-4184	Không - Hệ thống CSDL quốc tế khác	5	29, 5-6, 1179- 1191	04/2011
Sau khi được công nhận PGS/TS								
14	Outer Approximation Algorithms for Pseudomonotone Equilibrium Problems	2	Có	Computers and Mathematics with Applications/ ISSN: 2588-2595	có - SCI IF: 1.08	40	61, 2588- 2595	05/2011

15	Strong Convergence Theorems for Nonexpansive Mappings and Ky Fan Inequalities	1	Có	Journal of Optimization Theory and Applications/ ISSN: 1573-2878	có - SCI IF: 1.11	49	154, 303-320	03/2012
16	An Extragradient Method for Solving Bilevel Variational Inequalities	3	Có	Journal of Global Optimization/ ISSN: 1573-2916	có - SCI IF: 0.86	46	52, 627- 639	03/2012
17	A Proximal Point-Type Algorithm for Pseudomonotone Equilibrium Problems	3	Không	Bull. of Korean Mathematical Society/ ISSN: 1015-8634	có - SCIE IF: 0.3	8	49, 4, 749- 759	07/2012
18	Dual Extragradient Algorithms to Equilibrium Problems	3	Không	Journal of Global Optimization/ ISSN: 1573-2916	có - SCI IF: 0.86	109	52, 139- 159	03/2012
19	Strong Convergence of an Extragradient Method for Equilibrium Problems and Fixed Point Problems	3	Không	Journal of the Korean Mathematical Society/ ISSN: 0304-9914	có - SCIE IF: 0.4	53	49, 1, 187- 200	01/2012

20	A New Extragradient Iteration Algorithm for Bilevel Variational Inequalities	1	Có	Acta Mathematica Vietnamica/ ISSN: 0251-4184	có - Scopus IF: 0.38	57	37, 1, 95-107	01/2012
21	A Projection Method for Pseudomonotone Equilibrium Problems	2	Có	Far East Journal of Applied Mathematics/ ISSN: 0972-0960	Không - Hệ thống CSDL quốc tế khác		65, 1, 37-50	04/2012
22	A Hybrid Extragradient Method Extended to Fixed Point Problems and Equilibrium Problems	1	Có	Optimization/ ISSN: 0233-1934	có - SCIE IF: 0.91	112	62, 2, 271- 283	04/2013
23	An Armijo- Type Method for Pseudomonotone Equilibrium Problems and Its Applications	2	Có	Journal of Global Optimizations/ ISSN: 1573-2916	có - SCI IF: 0.86	32	57, 803- 820	09/2013
24	A Hybrid Extragradient Method for Pseudomonotone Equilibrium Problems and Fixed Point Problems	2	Có	Bull. of the Malaysian Mathematical Sciences Society/ ISSN: 0126-6705	có - SCIE IF: 0.53	30	36, 1, 107- 116	01/2013

25	Fixed Point Solution Methods for Solving Equilibrium Problems	2	Có	Bull. of Korean Mathematical Society/ ISSN: 1015-8634	có - SCIE IF: 0.3	4	51, 2, 479-499	11/2014
26	Hybrid Linesearch Algorithm for Equilibrium Problems and Nonexpansive Mappings	3	Không	International Journal of Numerical Methods and Applications/ ISSN: 0975-0452	Không - Hệ thống CSDL quốc tế khác		11, 1, 39-68	03/2014
27	A Hybrid Subgradient Algorithm for Nonexpansive Mappings and Equilibrium Problems	2	Có	Optimizations Letters/ ISSN: 1862-4472	có - SCIE IF: 0.72	23	8, 727- 738	03/2014
28	Hybrid proximal point and extragradient algorithms for solving equilibrium problems	2	Có	Acta Mathematica Vietnamica/ ISSN: 0251-4184	có - Scopus IF: 0.38	3	39, 3, 405- 423	08/2014

29	Modified Projection Method Extended to Strongly Pseudomonotone Ky Fan Inequalities	2	Có	JP Journal of Fixed Point Theory and Applications/ ISSN: 0973-4228	Không - Hệ thống CSDL quốc tế khác		9, 3, 143-157	12/2014
30	Line search Methods for Equilibrium Problems and an Infinite Family of Nonexpansive Mappings	2	Có	Bull. of the Malaysian Mathematical Sciences Society/ ISSN: 0126-6705	có - SCIE IF: 0.53	1	38, 1157- 1175	07/2015
31	Fixed Point Methods for Pseudomonotone Variational Inequalities Involving Strict Pseudocontractions	2	Có	Optimization/ ISSN: 0233-1934	có - SCIE IF: 0.91	8	64, 9, 1841- 1854	04/2015
32	The Subgradient Extragradient Method Extended to Equilibrium Problems	2	Có	Optimization/ ISSN: 0233-1934	có - SCIE IF: 0.91	34	64, 2, 225- 248	12/2015

33	A Fixed Point Scheme for Nonexpansive Mappings, Variational Inequalities and Equilibrium Problems	3	Có	Vietnam Journal of Mathematics/ ISSN: 2305-221X	có - Scopus IF: 0.44	1	43, 71-91	03/2015
34	On Ergodic Algorithms for Equilibrium Problems	3	Có	Journal of Global Optimization/ ISSN: 1573-2916	có - SCI IF: 0.86	39	64, 179-195	01/2016
35	Outer-Interior Approximation Projection Methods for Multivalued Variational Inequalities	2	Có	Acta Mathematica Vietnamica/ ISSN: 0251-4184,	có - Scopus IF: 0.38	5	42, 61-79	03/2017
36	The Bruck's ergodic iteration method for the Ky Fan inequality over the fixed point set	3	Không	International Journal of Computer Mathematics/ ISSN: 0020-7160	có - SCIE IF: 0.55	8	94, 12, 2466-2480	03/2017

37	Convergence Theorems for Variational Inequalities on the Solution Set of Ky Fan Inequalities	3	Có	Acta Mathematica Vietnamica/ ISSN: 0251-4184	có - Scopus IF: 0.38	3	42, 761-773	12/2017
38	Strong Convergence Theorem for the Lexicographic Ky Fan Inequality	3	Có	Vietnam Journal of Mathematics/ ISSN: 2305-221X	có - Scopus IF: 0.44	8	46, 3, 517-530	08/2017
39	A Parallel Extragradient-Like Projection Method for Unrelated Variational Inequalities and Fixed Point Problems	2	Có	Journal of Fixed Point Theory and Applications/ ISSN: 1661-7738	có - SCIE IF: 1.11	4	20, 74, 1-17	04/2018
40	Modified Basic Projection Methods for a Class of Equilibrium Problems	3	Có	Numerical Algorithms/ ISSN: 1017-1398	có - SCIE IF: 0.98	12	79, 139-152	09/2018

41	Multi-Step Algorithms for Solving Eps. Mathematical Modelling and Analysis	2	Có	Mathematical Modelling and Analysis/ ISSN: 1392-6292	có - SCIE IF: 0.49	13	23, 3, 453-472	07/2018
42	Computational Errors of the Extragradiant Method for Equilibrium Problems	3	Có	Bull. of Malaysian Math. Sc. Soc./ ISSN: 0126-6705	có - SCIE IF: 0.53	3	42 2835- 2858	09/2019
43	New Subgradient Extragradiant Methods for Solving Monotone Bilevel Equilibrium Problems	2	Có	Optimization/ ISSN: 0233-1934	có - SCIE IF: 0.91	8	68, 11, 2099- 2124	09/2019
44	Subgradient Projection Methods Extended to Monotone Bilevel Equilibrium Problems in Hilbert Spaces	2	Có	Numerical Algorithms/ ISSN: 1017-1398	có - SCIE IF: 0.98	3	Doi: https://doi.org	03/2022

45	Halpern Projection Methods for Solving Pseudomonotone Multivalued Variational Inequalities in Hilbert Spaces	3	Có	Numerical Algorithms/ ISSN: 1017-1398	có - SCIE IF: 0.98		Doi: https://doi.org	07/2020
46	New projection methods for solving equilibrium problems over the fixed point sets	2	Có	Optimization Letters/ ISSN: 1862-4472	có - SCIE IF: 0.72		Doi: https://doi.org	08/2020
47	A Parallel Subgradient Method Extended to Variational Inequalities Involving Nonexpansive Mappings	4	Có	Applicable Analysis/ ISSN: 0003-6811	có - SCIE IF: 0.58	4	99, 16, 2776- 2792	12/2020
48	Optimality Condition and Quasi- Conjugate Duality with Zero Gap in Nonconvex Optimization	2	Có	Optimization Letters/ ISSN: 1862-4472	có - SCIE IF: 0.98		14, 2021- 2037	11/2020

49	Yosida Approximation Methods for Generalized Equilibrium Problems	3	Có	Journal of Convex Analysis/ ISSN: 0944-6532	có - SCIE IF: 0.63	1	27, 3, 959-977	08/2020
50	Proximal- Like Subgradient Methods for Solving Multivalued Variational Inequalities	3	Có	Nonlinear Functional Analysis and Applications/ ISSN: 1229-1595	có - Scopus IF: 0.35	1	25, 3, 425- 438	09/2020
51	Modified Parallel Projection Methods for the Multivalued Lexicographic Variational Inequalities using Proximal Operator in Hilbert Spaces	2	Có	Mathematical Methods in the Applied Sciences/ ISSN: 0170-4214	có - SCIE IF: 0.72	2	43, 6, 3260- 3279	04/2020
52	Projection Methods for Solving the Variational Inequalities Involving Unrelated Nonexpansive Mappings	3	Có	Journal of Nonlinear and Convex Analysis, ISSN: 1345-4773	có - SCIE IF: 0.46		21, 11, 2517- 2537	11/2020

53	New Explicit Extragradient Methods for Solving a Class of Bilevel Equilibrium Problems	4	Có	Bull. of Malaysian Math. Sc. Soc., ISSN: 0126-6705	có - SCIE IF: 0.53		44, 3285- 3305	04/2021
54	A Subgradient Proximal Method for Solving a Class of Monotone Multivalued Variational Inequality Problems	3	Có	Numerical Algorithms/ ISSN: 1017-1398	có - SCIE IF: 0.98		Doi: 10.1007/s11075-	03/2021
55	Auxiliary Problem Technique for Hierarchical Equilibrium Problems	2	Có	Journal of Optimization Theory and Applications, ISSN: 0022-3239	có - SCI IF: 1.11		188, 882- 912	03/2021

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà U'V là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 37 ([14] [15] [16] [20] [21] [22] [23] [24] [25] [27] [28] [29] [30] [31] [32] [33] [34] [35] [37] [38] [39] [40] [41] [42] [43] [44] [45] [46] [47] [48] [49] [50] [51] [52] [53] [54] [55])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
----	---	--------------------------------	--	------------------------------------	---------------------------------	---------

1	Mở ngành đào tạo: Báo chí số	Tham gia	Quyết định số 388/QĐ-HV ngày 07 tháng 5 năm 2021	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Chưa có quyết định	Đang triển khai
2	Ngành đào tạo: Kỹ thuật Robot	Tham gia	Quyết định số 385/QĐ-HV ngày 06 tháng 5 năm 2021	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Chưa có quyết định	Đang triển khai
3	Mở ngành: Kỹ thuật dữ liệu	Tham gia	Quyết định số 135/QĐ-HV ngày 26 tháng 2 năm 2021	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Chưa có quyết định	Đang triển khai
4	Mở ngành đào tạo: Fintech	Tham gia	Quyết định số 1004/QĐ-HV ngày 15 tháng 11 năm 2019	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Quyết định số 938/QĐ-HV ngày 30 tháng 10 năm 2020	Đã tuyển sinh từ năm 2021

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2021

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)